

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19-3-2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Thành.
2. Ông Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Nữ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Kim Châu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 275/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1984 (vắng mặt có đơn);

- Bị đơn: Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1984 (vắng mặt lần 02);
Cùng địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện TS, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Trần Thị T trình bày: Bà và ông Phạm Văn T1 tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 20/9/2013. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do mâu thuẫn trong chuyện tiền bạc, ông T1 nợ tiền của xã hội đen, dẫn đến vợ chồng thường xuyên kình cãi, xúc phạm nhau. Vợ chồng đã cắt đứt quan hệ, sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn T1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Minh N1, sinh ngày 11/6/2013 và Phạm Bảo T2 sinh ngày 05/3/2016, con chung hiện đang sống cùng bà. Khi ly hôn,

bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung (N và T2) đến trưởng thành; không yêu cầu ông Phạm Văn T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn là ông Phạm Văn T1 vắng mặt không có lý do: ông Phạm Văn T1 đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định xét xử nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai và yêu cầu đối với vụ án.

Biên bản xác minh ngày 11/12/2024 Công an xã B cung cấp: ông Phạm Văn T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã B, huyện TS, tỉnh Bình Định; ông Phạm Văn T1 đi làm ăn xa, thỉnh thoảng về sinh sống tại địa chỉ nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đa phần là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự tuy vẫn còn vài vi phạm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTT Dân sự 2015. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72, 73 BLTT Dân sự 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: Bà Trần Thị T được ly hôn ông Phạm Văn T1; về con chung: giao 02 con chung Phạm Minh N, sinh ngày 11/6/2013 và Phạm Bảo T2 sinh ngày 05/3/2016 cho bà Thanh tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng đến trưởng thành, về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu nên miễn xét; tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên miễn xét; Án phí giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trưng tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là bà Trần Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn là ông Phạm Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Phạm Văn T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 20/9/2013 đúng theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông T1 không chăm lo cho gia đình mà nợ nần nhiều, dẫn đến vợ chồng thường xảy ra tranh cãi, xúc phạm

nhau. Hai bên đã cắt đứt quan hệ, sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Vợ chồng xa cách đã lâu nhưng hai bên vẫn bỏ mặc cho tình trạng hôn nhân của mình. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà T yêu cầu ly hôn với ông T1 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà T và ông T1 có 02 con chung tên Phạm Minh N1 (nam), sinh ngày 11/6/2013 và Phạm Bảo T2 (nữ) sinh ngày 05/3/2016, con chung đang sống cùng bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành. HĐXX xét thấy yêu cầu của bà T là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của trẻ, nghị nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bà Trần Thị T thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn nộp án phí.

[6] Lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Phạm Văn T1.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Minh N (nam), sinh ngày 11/6/2013 và Phạm Bảo T2 (nữ) sinh ngày 05/3/2016 cho bà Trần Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu nên Tòa không xét.

Bên không trực tiếp nuôi con nhưng vẫn có quyền thăm nom, giúp đỡ con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

2/ Về án phí sơ thẩm:

Bà Trần Thị T thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn nộp án phí sơ thẩm.

3/ Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

4/ Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Nghi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Giang Nam